

Trong đơn khởi kiện và các bản khai nguyên đơn chị Vi Thị N trình bày: Chị và anh T đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh TN. Trước khi cưới được tìm hiểu, tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân chị mắc bệnh về gen nên ảnh hưởng và khó khăn trong việc sinh con, khi sinh con ra sẽ dễ mang và mắc các bệnh hiểm nghèo

(*đã được Bác sĩ Bệnh viện huyết học Hà Nội khám và tư vấn*). Hiện tại chị không muốn làm ảnh hưởng tới cuộc sống hạnh phúc của anh T sau này nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nông Bảo A, sinh ngày 22/3/2015 đã chết năm 2017 do bị tai nạn đuối nước, đến nay không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nông Văn T:** Sau khi nhận được đơn khởi kiện của chị N quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, Toà án nhân dân huyện Võ Nhai đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Ngày 21/3/2023, Toà án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã PT, Công an xã PT, ban xóm MG và gia đình anh T xác định được các giấy triệu tập của Toà án đã giao nhận hợp lệ cho anh T, hiện nay anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu, các giấy triệu tập Tòa án giao gia đình anh T nhận và đã thông báo cho anh T biết. Do anh T không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

#### **Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:**

- Về tố tụng: *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng:* Toà án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị N, cho chị N được ly hôn anh Nông Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là anh Nông Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm MG, xã PT, huyện

VN, tỉnh TN, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ vắng mặt không có lý do căn Điều 228; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Vi Thị N và anh Nông Văn T là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐC, huyện VN, tỉnh TN. Trong quá trình chung sống ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Từ năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân chị N mắc bệnh về gen nên ảnh hưởng và khó khăn trong việc sinh con, khi sinh con ra sẽ dễ mang và mắc các bệnh hiểm nghèo. Nay chị không muốn làm ảnh hưởng tới cuộc sống hạnh phúc của anh T sau này nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Ngày 06/01/2023 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị N về việc xin ly hôn đối với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 21/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã PT, Công an xã PT, ban xóm MG và gia đình anh T xác định được các giấy triệu tập của Tòa án đã giao nhận hợp lệ cho anh T, xác định được hiện nay anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển khẩu tạm vắng đi đâu. Các giấy triệu tập gia đình anh T đã nhận và thông báo cho anh T biết, nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên đề nghị xin được ly hôn anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4]. Về con chung: Có 01 con chung là Nông Bảo A, sinh ngày 22/3/2015 đã chết năm 2017 do bị tai nạn đuối nước, đến nay không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N khai không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

***Bởi lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

**1- Về quan hệ vợ chồng:** Cho chị Vi Thị N được ly hôn anh Nông Văn T.

**2- Về con chung, tài sản chung và nợ chung:** Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3- Về án phí:** Buộc chị Vi Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0005089 ngày 06 tháng 01 năm 2023.

**4- Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- UBND thị trấn Đình Cả;
- UBND xã Phú Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Hương**